TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2023/HNGĐ - ST.
Ngày 09 tháng 01 năm 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Điền;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2022/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989.

Nơi ĐKHKTT: Khu 3, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở: Khu 2, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Vũ Tiến N, sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT: Khu 3, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở nước ngoài.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Viết T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1959.

Đều có địa chỉ: Khu 3, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Tcó mặt; anh N vắng mặt; ông T, bà Txin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/05/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Tiến N đăng ký kết hôn ngày 19/6/2014 tại UBND xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn tự nguyện tìm hiểu không bị ai ép buộc, không có ai có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần. Sau khi kết hôn thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do quan điểm, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã đánh chửi nhau. Anh

Nđi nước ngoài từ năm 2019 đến nay chưa về nước, từ khi anh Nđi nước ngoài tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không liên lạc được với nhau. Bản thân chị bị mẹ chồng và các chị gái chồng đuổi về nhà mẹ đẻ từ ngày 15/4/2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Tiến N.

Về con chung: Chị Txác định vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Ngọc Khánh, sinh ngày 24/11/2015 và cháu Vũ Nguyễn Đăng, sinh ngày 11/01/2019. Khi ly hôn Chị Txin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đăng; Còn cháu Khánh để anh Nđược trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Trong thời gian anh Nở nước ngoài đề nghị tạm giao cháu Khánh cho ông T và bà Tnuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Tkhông yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Txin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn anh Vũ Tiến N hiện đang ở nước ngoài được thể hiện tại công văn số: 22690/QLXNC – P5 ngày 27/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh bộ Công an. Theo như cung cấp anh Vũ Tiến N xuất cảnh gần nhất ngày 18/8/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do Chị Tkhông biết địa chỉ của anh Nở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã báo cho ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị Tuyết T (bố, mẹ đẻ anh Nam) và được ông T, bà Tcung cấp như sau: Chị Tvà anh Nkết hôn ngày 19/6/2014 tại UBND xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ, khi kết hôn có đủ điều kiện kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng anh Nam, Chị Tvề chung sống cùng gia đình tại khu 3, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống Chị Tvà anh Ncó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng vài tháng trở lại đây Chị Tvà anh Nkhông có liên lạc gì với nhau, đến ngày 14/4/2021 Chị Tcó mâu thuẫn với gia đình nên bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở cho đến nay. Anh Nhiện đang ở Hàn Quốc, anh Nthường liên lạc về với gia đình. Tòa án gửi các văn bản tố tụng gia đình đều đã nhận được, sau khi nhận được gia đình đã thông báo cho anh Nở nước ngoài qua điện thoại, anh Nkhông cung cấp nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, nhưng qua liên lạc anh Ncó nói lại với gia đình là anh đồng ý ly hôn với chị Thư.

Về con chung: Chị Tvà anh Ncó hai con chung là cháu Vũ Ngọc Khánh, sinh ngày 24/11/2015 và cháu Vũ Nguyễn Đăng, sinh ngày 11/01/2019. Qua trao đổi với anh Nthì anh Ncó nguyện vọng được nuôi cháu Khánh và để Chị Tnuôi cháu Đăng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, quan điểm của gia đình cũng nhất trí với ý kiến của anh Nam. Trong thời gian anh Nở nước ngoài gia đình sẽ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khánh đến khi anh Nvề nước. Gia đình không yêu cầu anh Nam, Chị Tphải cấp dưỡng nuôi cháu Khánh khi ông, bà trực tiếp nuôi cháu Khánh trong thời gian anh Nở nước ngoài.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Gia đình không biết. Các văn bản tố tụng của Tòa án thời gian tới gửi cho anh Ngia đình sẽ có trách

nhiệm chuyển, thông báo cho anh Nbiết. Do tuổi đã cao nên ông T, bà Tđề nghị được giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với chính quyền địa phương để xác minh tình trạng hôn nhân giữa Chị Tvà anh Ntheo như biên bản làm việc ngày 24/11/2022.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 53, 56. Điều 81. 82, 83, 123 Luật HNGĐ năm 2014; ; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 479 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX:

Xử: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Tiến N.

Về con chung: Giao cháu Vũ Nguyễn Đăng, sinh ngày 11/01/2019 cho Chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; Giao cháu Vũ Ngọc Khánh, sinh ngày 24/11/2015 cho anh Nnuôi dưỡng và chăm sóc, trong thời gian anh Nở nước ngoài, tạm giao cháu Khánh cho ông T và bà Ttrực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi anh Nvề nước thì ông T và bà Tcó trách nhiệm giao cháu Khánh cho anh Nam. Chị Tcó trách nhiệm đón cháu Khánh và giao cho ông T, bà Thanh. Không ai phải đóng góp nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: không yêu cầu giải quyết. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị Ttự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T nộp đơn xin ly hôn anh Vũ Tiến N tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, Chị Ttrình bày hiện nay anh Nđang ở nước ngoài. Tại công văn số 22690/QLXNC – P5 ngày 27/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh bộ Công an cung cấp xác định anh Vũ

Tiến N xuất cảnh gần nhất ngày 18/8/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này anh Nkhông có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị Tđề nghị xin được ly hôn với anh Nvà chỉ cung cấp được địa chỉ của anh Nam, nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam ở tại khu 3 xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ mà không cung cấp được địa chỉ của anh Nở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của anh Nlà ông T và bà T(Là bố, mẹ đẻ anh Nam) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Nbiết nhưng anh Nkhông cung cấp địa chỉ của anh Nở đâu tại nước ngoài để ông T và bà Tcung cấp cho Tòa án và thực tế anh Ncó nói lại cho ông, bà là đồng ý ly hôn với Chị Tvà có nguyện vọng xin được nuôi cháu Khánh. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung; anh Nvắng mặt, ông T và bà Tcó đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nam, ông T và bà Thanh.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Tiến N trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 19/6/2014, tại UBND xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị Tvà anh Ncó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do quan điểm sống không hợp nhau và Chị Tđã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 14/4/2021 cho đến nay được thể hiện qua lời khai của chị Thư, ông T, bà Tvà chính quyền địa phương cung cấp. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa Chị Tvà anh Nđã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị Tđược ly hôn anh Nlà phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Tvà anh Ncó hai con chung là cháu Vũ Ngọc Khánh, sinh ngày 24/11/2015 và cháu Vũ Nguyễn Đăng, sinh ngày 11/01/2019. Khi ly hôn Chị Txin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đăng; Còn cháu Khánh để anh Nđược trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Trong thời gian anh Nở nước ngoài đề nghị tạm giao cháu Khánh cho ông T và bà Tnuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Nvà gia đình anh Nlà ông T và bà Tcũng có nguyện vọng xin được nuôi cháu Khánh và nguyện vọng của cháu Khánh xin được ở với anh Nam. Xét thấy, nguyện vọng của chị Thư, anh Nam, cháu Khánh và ông T, bà Tnêu trên là chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, cần giao cho Chị Tđược trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đăng

và giao cho anh Nđược trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Khánh là phù hợp với quy định của luật hôn nhân và gia đình. Chị Tvà anh Nkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh Nở nước ngoài, tạm giao cháu Khánh cho ông T và bà Ttrực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi anh Nvề nước thì ông T và bà Tcó trách nhiệm giao cháu Khánh cho anh Nam. Chị Tvà anh Nkhông phải cấp dưỡng nuôi cháu Khánh cho ông T và bà Thanh. Vì ông T và bà Ttự nguyện không yêu cầu. Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Tkhông đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Ttự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền khá ng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83, 123 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2, 4 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Tiến N.

[2]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vũ Nguyễn Đăng, sinh ngày 11/01/2019. Giao cho anh Vũ Tiến N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vũ Ngọc Khánh, sinh ngày 24/11/2015. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh Nở nước ngoài ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị Tuyết T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khánh đến khi anh Nvề nước, sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Khánh. Chị Tvà anh Nkhông phải cấp dưỡng nuôi cháu Khánh cho vợ chồng ông T và bà Ttrong thời gian anh Nở nước ngoài vì ông T và bà Tkhông yêu cầu.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị Tđã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000325 ngày 10/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Tcó quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của anh Nlà 01 (một) tháng và

thời hạn kháng cáo của ông T và bà Tlà 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Liên H;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang